BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2011/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được gia hạn lưu hành tại Việt Nam đến 31.12.2012

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được gia hạn lưu hành tại Việt Nam đến 31.12.2012, như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này: Danh mục thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được gia hạn lưu hành tại Việt Nam đến 31.12.2012.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc thú y tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

DANH MỤC THUỐC THÚ Y, VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC GIA HẠN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM ĐẾN 31/12/2012

(Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2011/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

I. DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC GIA HẠN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM ĐẾN 31/12/2012

A. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Công ty TNHH TM & SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống; lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-3
2	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-4
3	Cafein Nabenzoat 20%	Cafein natri-benzoat	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ tim	UHN-15
4	Strychnin 0,1%	Strychnin sulfat	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ lực	UHN-16
5	Nước cất	H_2O	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Dùng cho pha tiêm	UHN-17
6	Huphaflocin 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 100ml	Trị ỉa phân trắng lợn con	UHN-34
7	L-5000	Tylosin, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị xoắn trùng	UHN-37
8	G-5000	Lincomycin, S. dimedin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-38
9	T-5000	Tylosin, Sulfamethoxazol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, phù đầu phù mặt	UHN-39
10	H-5000	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-40
11	Hupha-Tia 10%	Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi (CRD)	UHN-41
12	Hupha-Linco 10%	Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung	UHN-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
13	Hupha-Enro 1%	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-43
14	Hupha-Flume 10%	Flumequin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-44
15	Hupha-Analgin 30%	Natri methamisol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau	UHN-45
16	Hupha-Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy các loại giun tròn	UHN-46
17	Hupha-Colistin 3%	Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị E.coli dung huyết	UHN-47
18	Hupha-KC	Kanamycin; Colistin	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-48
19	Hupha-Lincospec	Lincomycin, Spectomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị phó thương hàn lợn con	UHN-49
20	Hupha-Gentatylan	Gentamycin, tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, viêm phổi	UHN-50
21	Huhpa-Cefalexin	Cefalexin base	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, tiêu chảy	UHN-51
22	Hupha-Ampicolistin	Ampicilin, Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-53
23	Hupha-Spec-T	Spectomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-54
24	Hupha-Gentamycin	Gentamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi	UHN-55
25	Hupha-Bcomplex	Vitamin B_1; B_2; B_5; B_6; PP	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-56
26	Hupha-ADE.Bcomplex	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Ống, lọ	5ml 5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-60
27	Hupha-Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị ghẻ, tẩy các loại giun tròn	UHN-61
28	Hupha-Tozal F	Oxyclozanid	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
29	Hupha-Fasiola	Droncit praziquantel	Lọ	10; 20; 50; 60; 90; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-65
30	E-5.000-T	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-68
31	E-10.000-T	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-69
32	Hupha - Enrofloxacin	Enrofloxacin 1%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-70
33	Hupha - Flume- U	Flumequin 10%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-71
34	Hupha - Colistin	Colistin 3%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy	UHN-72
35	E-5.000- U	Enrofloxacin 5%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-73
36	E-10.000-U	Enrofloxacin 10%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-74
37	Hupha-Spec-U	Spectomycin 5%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy ở lợn, bê nghé.	UHN-75
38	Hupha - Sulfamethox 30%	Sulfamethhoxypyridazine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfametho-xypyridazine	UHN-76
39	Hupha-Oxyject 10%	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin	UHN-77
40	Hupha-Tylanject 200	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, dê, thỏ, lợn, chó, mèo	UHN-78
41	Hupha-Fer Dextran-B12	Fer Dextran, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng chống chứng thiếu máu, bệnh tiêu chảy trên gia súc non	UHN-79

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
42	HUPHA-Marbocyl	Marbofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacine trên bê, lợn	UHN-84
43	HUPHA- Flor 30	Florfenicol	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm đường hô hấp, tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên trâu, bò, lợn	UHN-86
44	HUPHACOX 2,5%	Toltrazuril	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	UHN-88
45	Hupha-Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt, điều trị các bệnh khớp, co thắt ruột, chướng bụng trên gia súc, gia cầm	UHN-91
46	Hupha-Flodox	Florphenicol, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh tiêu chảy, thương hàn, viêm đường hô hấp trên gia súc	UHN-92
47	Hupha-Gluco-C	Glucose, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Cung cấp năng lượng, trợ sức, giải độc, lợi tiểu trên gia súc, gia cầm	UHN-93
48	Hupha-Oxyvet L.A	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, gây nên các bệnh hô hấp, tiêu chảy trên gia súc	UHN-94
49	Hupha-Paradol-U	Paracetamol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt, các chứng sốt trên gia súc, gia cầm	UHN-95

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
50	Hupha-Dexa	Dexamethason (phosphate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Kháng viêm, kết hợp với kháng sinh trong bệnh nhiễm khuẩn, hô hấp, viêm khớp	UHN-96
51	Hupha-Bromhexin-T	Bromhexin (HCL)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm ho, giảm tiết dịch nhầy trong bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-97
52	Hupha-Novil	Spiramycin (Adipate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị hen, viêm phổi, viêm khớp, viêm móng trên gia súc, gia cầm	UHN-101

2. Công ty TNHH dược thú y Thăng Long

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	TĐ- B.Complex+C	Vitamin B_1, B_2, B_6, C, Nicotinamide	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị bệnh do thiếu hụt Vitamin nhóm B trên bò, ngựa, cừu, heo	TL-25
2	TĐ-Vitamin B1	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu Vitamin B_1 trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gà.	TL-20
3	TĐ-Enro.vet-5	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó	TL-21
4	TĐ-Enro.vet-10	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó	TL-22
5	TĐ-Tylosin-500	Tylosin tatrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, chó, mèo	TL-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	TĐ-Gentamyccin	Gentamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	TL-24
7	TĐ- Amoxicilline.LA	Amoxicilline	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	TL-26
8	Đanagine + C	Vitamin C, Analgine	Chai	10; 20; 50; 100 ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, heo, dê, cừu	TL-27
9	TĐ- Thiamphenicol 20	Thiamphenicol	Chai	10; 20; 5; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, heo	TL-28
10	TĐ- Gentatylosin	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai	2; 5; 10; 20 ; 50; 100; 250 ; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, hồng lỵ, đóng dấu, tụ huyết trùng trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, gia cầm	TL-29
11	TĐ-Florfenicol	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	TL-30

3. Công ty thuốc thú y (PHAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colavi	Berberin	Lọ	20ml	Chữa ỉa chảy gia súc, gia cầm	HCN-15
2	Vitamin C	Vitamin C	ống	5ml	Bổ sung vitamin	HCN-29
3	Vitamin B_1	Vitamin B_1	ống	5ml	Bổ sung vitamin	HCN-30
4	Colis. T	Colistin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (-) gây ra	HCN-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	Natribenzoat 20%	Cafein nabenzoat	Ống	5ml	Trợ tim	HCN-33
6	Glucose 5%	Glucose	Ống	5ml	Bổ dưỡng	HCN-34

4. Công ty TNHH thú y xanh Việt Nam (GREENVET CO., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B_{12}.5%	Vitamin B_1	Ống	5ml	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-14
2	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống	5ml	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-15

5. Công ty TNHH thuốc thú y miền Bắc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin 5%	Tylosin tartrate	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị viêm phổi, viêm ruột, thương hàn, CRD, PTH, THT	MB-14
2	N-Tikana	Tiamulin HF, Kanamicin sulphate	Ống, lọ	5 ml 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng tiết niệu - sinh dục	MB-15
3	Gentylosin	Gentamicin sulphate, Tylosin tartrate, Dexa	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, viêm phổi, thương hàn, CRD, phó thương hàn, THT ở gia súc, gia cầm	MB-16
4	Kanamicin 10%	Kanamicin sulphate	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiệt thán, bệnh viêm phổi, bệnh cầu trùng ghép coli bại huyết	MB-18
5	Analgin - C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt, trị thấp khớp, giảm co thắt đường ruột, chướng bụng	MB-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	N-Pneusid	Tiamulin HF, Oxytetracyclin HCl, Theophyllin	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, đường ruột, đường niệu - sinh dục, viêm tử cung, tụ huyết trùng	MB-20
7	Gentamicin 5%	Gentamicin sulphate	Ống, lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, thương hàn, THT, CRD, PTH	MB-22
8	N- Oxysin	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tatrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị viêm phế quản, viêm phổi truyền nhiễm, viêm phổi trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	MB-23
9	N- Neocin	Neomycin sulphate salt	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml; 1l.	Trị tiêu chảy do nhiễm trùng đường ruột trên heo, bê, cừu, ngựa, chó	MB-25
10	N- Enxin	Enrofloxacin HCL salt	Lọ	10; 20; 50; 100; 500 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy do E.coli trên bò. Bệnh đường tiêu hóa, MMA trên heo. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó	MB-26
11	N- Dolin. LA	Doxycyclin HCL	Ống, lọ	5; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin	MB-27
12	N- Fluquin	Flumequine sodium salt	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng ruột, đường hô hấp, viêm vú, viêm khớp, viêm da	MB-28
13	N-Kanacol	Colistin sulphate salt, Kanamycin mono sulphate salt,	Ống, lọ	5ml,; 10; 20; 50 ml; 100; 500ml; 1l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin gây ra trên trâu, bò, chó, mèo	MB-29
14	N-Speclin	Spectinomycin HCL salt, Lincomycin HCL salt	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml ; 200; 500ml; 1l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin, Lincomycin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	MB-30

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	N- Coliprim	Colistin sulfate, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị các bệnh dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Trimethoprim gây ra trên lợn con, dê, cừu con	MB-05
16	N- Ticol	Colistin sulfate, Tiamulin HF	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l.	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm đa khớp, Leptospirosis trên trâu, bò, lợn	MB-12
17	N- Septorim	Sulphadiazin, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml.	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường niệu, đường ruột, viêm khớp, viêm mắt, tai, miệng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	MB-13
18	N- Colison	Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên cho gia súc, gia cầm	MB-17
19	N-Phenicol	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Điều trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	MB-21
20	N- Mectin	Ivermectin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị giun sán, ghẻ, chấy, rận trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	MB-32
21	N- Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bênh thiếu Vitamin B_1 trên gia súc, gia cầm	MB-34
22	N- Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Chống Stress, suy nhược cơ thể, nhiễm độc, trên gia súc, gia cầm	MB-35
23	N- B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_5, PP, B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng, trị chứng gầy còm của gia súc có chửa, gia súc cho sữa, gia cầm non chậm lớn	MB-38
24	N-Eurovit	Vitamin A, D_3, E, PP, B_6, B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Chống còi xương, bại liệt, xù lông, khô da, trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, gà, vịt	MB-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
25	N- Fe B_{12}	Fe dextran, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Phòng và trị chứng thiếu máu do thiếu sắt và Vitamin B_{12} trên bê, lợn con	MB-40
26	N- Bactrim	Sulphadiazin, Trimethoprim	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphadiazin và Trimethoprim gây ra	MB-41
27	N-Fasciolium	Nitroxynil	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu, gà, chó	MB-44

6. Công ty cổ phần Hùng Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	AD_3E Bcomplex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, PP, B_6, B_5	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Kích thích phát triển, phòng chống stress còi cọc, chậm lớn, bại liệt	NGH-15
2	Vit B complex	Thiamin chloride, Pyridoxin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường bổ sung Vitamin nhóm B	NGH-16
3	Ampicolis	Ampicillin tryhydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm ruột gây ỉa chảy thương hàn, Ecoli	NGH-18
4	Tylo-50	Tylosin tatrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, suyễn, CRD, viêm phổi, viêm ruột ỉa chảy, đóng dấu, THT, sưng phù đầu, phân xanh, phân trắng ở gia súc, gia cầm	NGH-19
5	Coliseptyl	Sulfadimidine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, cầu trùng, dung huyết, sưng phù đầu, viêm phổi	NGH-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Ampisep	Ampicilline, Sulfadimidin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị chứng phù đầu, đóng dấu, tụ huyết trùng viêm ruột, ỉa chảy	NGH-21
7	NGH-Gentatylo	Gentamycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, viêm đường hô hấp, hồng lỵ, đóng dấu E.coli, ỉa chảy	NGH-24
8	Vibramycin-Forte	Doxyxyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, hen, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm đường tiết niệu, đường sinh dục, thương hàn, ỉa chảy,..	NGH-25
9	Enro-flox	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, THT ở gia súc, gia cầm, phân xanh, phân vàng	NGH-26
10	Tylocol	Tylosin tatrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen gà, khẹc vịt, cúm gà, suyễn lợn, tụ huyết trùng, viêm phổi, lợn con phân trắng	NGH-27
11	Enro-10	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh lợn con phân trắng, E.coli, sưng phù đầu	NGH-33
12	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Lọ, ống	5; 10ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin tartrate gây ra	NGH-35
13	Analgin - 30%	Anagin (Natrimetamizol)	Lọ	5; 10; 20; 50ml; 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, chống sốt cao trong các bệnh nhiễm trùng, bệnh viêm phổi	NGH-40
14	Vitamine B_1 2,5%	Thiamin hydroclorid	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh do thiếu Vit B_1 gây ra, kích thích tiêu hóa, tăng tính thèm ăn	NGH-43
15	Glucose 5%	Glucose khan	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Giải độc và lợi tiểu trong các bệnh nhiễm độc cyanua, carbone dioxyde	NGH-44
16	Kanamycin-10%	Kanamycin sulfate	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin	NGH-45
17	Lincomycin-10%	Lincomycin hydroclorid	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin	NGH-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
18	Nor-Coli	Norfloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin gây ra cho trâu bò, lợn, chó	NGH-22
19	Colimycin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NGH- 47
20	Coliracin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm	NGH- 48
21	B_{12}-Ferridextran	Ferridextran, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bênh thiếu máu do thiếu sắt gây ra trên trâu, bò, lợn, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	NGH- 50
22	Ivermectin-25	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH- 51
23	Ivermectin-50	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH- 52
24	Oxytemycin	Oxytetracycline	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, viêm móng, tử cung, viêm ruột ỉa chảy trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NGH- 53
25	Enroflox-10%	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột trên bê, nghé, gia cầm	NGH- 55
26	Flumequin-LA	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột, viêm tử cung, nhiễm trùng máu, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NGH- 56
27	Vitamin K_3	Vitamin K_3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Cầm máu trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH- 57
28	Marbofloxacin	Marbofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm dạ dày ruột ỉa chảy, đường niệu, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NGH- 59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
29	Vitamin C 5%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vit C, phòng chống stress. Nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, heo, gà, vịt	NGH- 62
30	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, phòng chống stress trên trâu, bò, heo, gà, vịt	NGH- 63
31	Thiamphenicol 20%	Thiamphenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn	NGH- 66
32	Gentamox-LA	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm ruột do vi khuẩn, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn	NGH- 67
33	Tylan-2000 LA	Tylosin tartrate	Ông, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	NGH- 68
34	Flophenicol 30%	Florfenicol	Ông, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NGH- 69
35	Spectin-5%	Spectinomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH- 70
36	Bromhexin	Bromhexine HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Giảm tiết dịch nhày, giảm ho, long đờm trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo, gia cầm	NGH- 71
37	Gluconat-K-C	Vitamin C, K_3, Cancigluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Phòng chống bệnh thiếu Vitamin C, thiếu canxi, hỗ trợ điều trị xuất huyết đường tiêu hóa, phủ tạng trên trâu, bò, heo, gia cầm	NGH- 72
38	Dramycin	Tulathromycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó	NGH- 73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
39	Dexamethason,	Dexamethason natriphosphat	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị viêm khớp, thoái hóa xương khớp, viêm thanh quản, dị ứng, bệnh viêm loét da và niêm mạc trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH- 76
40	Vitamin C-10%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin C, chống Stress, nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, gà, vịt	NGH- 77
41	B_{12} Ferridex - 20%	Ferridextran Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH- 80
42	B12Ferridex - 10%	Ferridextran Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH- 81
43	Toltrazuril	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị cầu trùng trên dê non, cừu non, lợn con, ga cầm	NGH- 83
44	Amoxilin-LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên bê, nghé, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH- 84
45	Amox-LA	Amoxycillin, trihydrate. Clavulanic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị viêm phổi, viêm phế quản, hen, suyễn tụ huyết trùng, áp xe, viêm vú, viêm tử cung ỉa chảy trên bê, nghé, dê, cừu, ngựa, chó, mèo, gia cầm	NGH- 85

7. Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Cường

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	NC-Coli	Norfloxacin HCL	Ống, lọ	5ml. 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trâu, bò, lợn, nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó	NC-12
2	NC-Enro 10%	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	NC-13
3	NC- Novalgin	Analgin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ nhiệt giảm đau, chống sốt cao	NC-14
4	Vitamin-Bcomplex	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B, viêm dây thần kinh, tăng đề kháng cho cơ thể	NC-15
5	Cofecalcium 20%	Calcium gluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Canxi, liệt quỵ, trợ tim, bồi bổ sức khỏe	NC-16
6	Lincocin 10%	Lincomycin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra	NC-17
7	Kanamycin 10%	Kanamycin Sulphate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin gây ra	NC-18
8	Coli-Dox	Doxycyclin, Dexamethasone	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NC-19
9	NC-Karylcol	Colistin; Kanamycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, chó, mèo	NC-20
10	NC-Tracyn	Colistin, Dexamethasone Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu bò, lợn, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	NC-22
11	NC-Colitinal	Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột trên trâu, bò, lợn, ngựa, dê, cừu	NC-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	NC-Tyloven	Tylosin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, viêm mũi trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NC-24
13	NC-Lincoseptin	Lincomycin Spectinmycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà, chó, mèo	NC-25

8. Công ty cổ phần Hải Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	HN-Lincocin	Lincomycin	Lọ	20; 100; 250; 500ml	Đặc trị hen gà, suyễn lợn	HN-25
2	HN-Bcomplex	B_1; B_2; B_5; B_6; PP	Lọ	20; 100; 250; 500ml	Bổ sung các vitamin thiết yếu cho gia súc gia cầm	HN-26
3	HN-Neo	Neomicin sulfat	Lọ	10; 50; 100; 500ml	Trị phân trắng lợn con	HN-17
4	HN-TCG	Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Chữa gà rù, cảm cúm gà, vịt, ngan ngỗng	HN-18
5	HN- Ecoli	Enrofloxacin HCL	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Điều trị bệnh do E.coli: sưng mặt phù đầu lợn, tiêu chảy	HN-19
6	HN- Tylo	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị tiêu chảy gia súc, gia cầm	HN-20
7	HN- Flu	Flumequin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Điều trị bệnh phó thương hàn lợn	HN-21
8	HN- Colis	Colistin sulfat	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Điều trị bệnh tiêu chảy của chó	HN-22
9	HN- Phenyl	Phenyl Butazol	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Giảm viêm, hạ sốt, an thần	HN-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10	HN. Mycos	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, lợn, chó, gia cầm	HN-5
11	HN.Imectin	Ivermectin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HN-31
12	HN.Amoxyla	Amoxycilline trihydrate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, viêm phổi, nhiễm trùng vết thương, hội chứng MMA trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, chó, mèo	HN-33
13	HN.Enro 50T	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, chó	HN-34
14	HN.Ampixyla	Ampicilline trihydrate, Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, máu, vết thương trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn	HN-35
15	HN.Enro 100T	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, các bệnh ở khớp trên trâu, bò, lợn, chó.	HN-36
16	HN. Primera	Trimethoprim, Sulfadiazin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadiazin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	HN-37
17	HN-Doxy.LA	Doxycycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HN-39
18	HN- Neopha	Neomycine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do E.coli, viêm vú, viêm tử cung trên ngựa con, bê, nghé, lợn	HN-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
19	HN- Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng trị cảm, sốt, đau khớp, tăng hiệu quả điều trị khi kết hợp với kháng sinh, chống Stress trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	HN-44

9. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược thú y NASA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	*NN-Enro 10 (uống)*	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l.	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột. Bệnh nhiễm trùng đường sinh dục trên gia cầm	NN-16
2	Ferridextran - 5% + B_{12}	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250 ; 500ml ; 1l	Phòng, trị bệnh do thiếu sắt, thiếu máu do nhiễm trùng, ký sinh trùng hoặc do mất máu	NN-5
3	NN- Enro 5	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l.	Trị bệnh đường hô hấp, bệnh ở khớp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó, mèo	NN-17
4	*NN-Enro 10 (tiêm)*	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l.	Trị bệnh đường hô hấp, bệnh ở khớp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó, mèo	NN-15
5	NN-Polymycine	Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l.	Trị bệnh dạ dày - ruột do các vi khuẩn Gr (-) nhạy cảm với Colistine trên bê, cừu, lợn, thỏ, gia cầm	NN-18
6	Norcoli	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+) và Mycoplasma	NN-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
7	NASA-Analgin C	Analgin, Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100ml.	Hạ sốt trong các bệnh nhiễm trùng cấp, kháng viêm, chống Stress, giảm đau trên trâu, bò, heo, dê, cừu	NN-30
8	NASA-Flordox Inj	Florfenicol Doxycycline	Ống, Chai	5; 10; 20; 50; 100ml.	Trị viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm ruột, đóng dấu, tụ huyết trùng, thương hàn, kiết lỵ, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa, cừu, dê, lợn, chó, mèo	NN-32
9	NASA-Anticoli-Cosy	Tylosin tartrate Colistin sulfate Fe Dextran	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml, 120; 200ml.	Trị tiêu chảy, phòng thiếu sắt trên heo con.	NN-33
10	NASA- Amoxin L.A 20	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml.	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu do *Campylobacter*, *Clostridium, Corynebacterium, E. Coli, Erysipelothrix, Heamophilus, Pasteurella, Salmonella, Penicillinase negative Staphylococcus* và *Streptpcoccus spp* gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NN-34

10. Xưởng SXTN thuốc thú y - Viện Thú y Quốc gia

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	VTY-Norflox 500	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, bại liệt, xuất huyết	VTY-X-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	VTY-Colis 200	Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị phân trắng lợn con, phù đầu lợn, viêm nhiễm đường tiêu hóa, sinh dục tiết niệu ở gia súc, gia cầm	VTY-X-6
3	Strichnin sulfat 0,1%	Strichnin sulfat	Ống	5ml	Kích thích thần kinh trong các chứng nhược cơ, liệt cơ, bại liệt, suy nhược	VTY-X-12
4	Urotropin 5%	Urotropin	Ống	5, 10, 20, 50, 100ml	Sát trùng đường niệu, đường mật và đường ruột	VTY-X-13
5	Long não nước 10%	Compoza	Ống	5ml	Trợ tim trong suy nhược cơ thể, các bệnh ỉa chảy ở gia súc lớn	VTY-X-16
6	Vitamin B_1 (1,25%; 2,5%)	Vitamin B_1	Ống	5,10,20,50,100ml	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin B_1	VTY-X-17
7	Cafein Natri Benzoat (20%)	Cafein Natri Benzoat	Ống	5, 10, 20, 50, 100ml	Dùng khi bị bệnh nặng kèm theo suy nhược, mệt, suy tim, choáng,…	VTY-X-18
8	Vitamin C (5%)	Vitamin C	Ống	5, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin C	VTY-X-20
9	Bcomplex tiêm	Vitamin nhóm B	Ống, lọ	2; 5, 20; 50; 100ml	Phòng trị thiếu vitamin	VTY-X-23
10	Oxytetracyclin chlohydrat	Oxytetracyclin chlohydrat	Lọ	500mg	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gram (+) và Gram (-) gây ra	VTY-X-24
11	Pylocarpin Hydroclorit 1%	Pylocarpin	Ống	5ml	Chữa đau bụng ở ngựa, liệt dạ cỏ ở loài nhai lại, tắc thực quản	VTY-X-25
12	Nước cất pha tiêm	Nước cất	Ống	5ml, 50ml, 100ml	Dùng pha thuốc bột để tiêm	VTY-X-31
13	VTY-Colimed	Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trị phân trắng lợn con, phù đầu lợn, tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	VTY-X-37
14	VTY-Sulfadimidin	Sulfadimidin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng, THT, viêm ruột, viêm phổi trên bê, nghé, thỏ, lợn, gia cầm	VTY-X-11
15	VTY- Flox oral	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, khớp trên trâu, bò, gia cầm	VTY-X-38

11. Công ty cổ phần PROVET Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Amoxpro- LA	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline trên gia súc, lợn, cừu, chó, mèo	PRO-02
2	Proxacine	Norfloxacine, Acid lactic	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn, Mycoplasma nhạy cảm với Norfloxacine trên trâu, bò, lợn, chó	PRO-03
3	Enrotril 10%	Enrofloxacine	Lọ	10; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn, Mycoplasma nhạy cảm với Enrofloxacine trên gia cầm	PRO-04
4	Ampicolis-LA	Ampicilline trihydrate, Colistin sulphat, Dexa	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline và Colistin	PRO-05
5	Proenro 10%	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do các vi khuẩn nhạy cảm Enrofloxacine gây ra	PRO-06
6	Promesul	Trimethoprime, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadiazine gây ra	PRO-07
7	Prokana	Kanamycine sulfate, Colistin sulfate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò; chó, mèo	PRO-11
8	Ampigen-LA	Ampicilline trihydrate, Gentamycine sulfate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline và Gentamycine trên trâu, bò	PRO-12
9	Provit	Vitamin A, D_3 , E	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin A, D_3 , E trên gia súc, dê, cừu, lợn, thỏ	PRO-13
10	Protylan	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	PRO-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
11	Promequin-LA	Flumequine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine trên gia súc, gia cầm	PRO-15

12. Công ty CP dược phẩm Xanh Việt Nam (GREENPHARMA)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Encin-100 inj	Enrofloxacin	Ống, chai, lọ	10, 20, 50, 120, 100, 500ml, 1 lít	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm đường tiết niệu trên gia súc, gia cầm	GRP-3
2	Norcin	Norfloxacin	Ống, chai, lọ	10, 20, 50, 100, 120, 500ml, 1 lít	Trị bệnh gây ra bởi E.coli, Salmonella, Mycoplasma, Streptococi, Clostridia	GRP-4
3	Encin 100	Enrofloxacin	Ống, chai, lọ	10, 20, 50, 100, 120, 500ml, 1 lít	Trị hen, Coryza, Salmonella trên gia cầm. Viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, đường tiết niệu trên gia súc	GRP-5

13. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Colistin	Colistin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị PTH, tiêu chảy, nhiễm trùng huyết, THT trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu. Sưng phù đầu do E.coli	TW-XI-70
2	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ông	5, 50, 100ml	Trị tê phù, đau dây thần kinh, suy nhược cơ thể, rối loạn tiêu hóa	TW-XI-36
3	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Lọ	5ml	Trị tê phù, đau dây thần kinh, suy nhược cơ thể, rối loạn tiêu hóa	TW-XI-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ông	5, 50, 100ml	Trị bệnh thiếu vitamin C, tăng sức đề kháng, chống Stress	TW-XI-37
5	Cafein Natri Benzoat 20%	Cafein natri benzoat	Ông	5, 50, 100ml	Trợ tim, phù thũng, tích nước nội tạng, giải cứu khi trúng độc thuốc mê	TW-XI-38
6	Long não nước	Nacampho sulphnat	Ông	5ml	Chữa các bệnh hệ tuần hoàn, hô hấp	TW-XI-39
7	Atropin Sulfat 0,1%	Atropine	Ông	2ml	Giảm đau các bệnh đường tiêu hóa, giải độc, điều hòa nhu động ruột	TW-XI-40
8	Strychnine sulfat 0,1%	Strychnine sulfat	Ông	2ml	Trị tê liệt, bại liệt, điều hòa tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn	TW-XI-41
9	Pilocarpin hyđrochlorid 0,1%	Pilocarpin	Ông	5ml	Trị chướng bụng, đầy hơi, tăng cường bài tiết, tăng nhu động ruột	TW-XI-42
10	Novocain 3%	Novocain	Ông	5ml	Gây tê tại chỗ để giải phẫu, giải đau	TW-XI-43
11	Sinh lý ngọt	Đường gluco	Lọ	20; 50; 100ml	Truyền khi nhiễm khuẩn cấp, ngộ độc, trụy mạch	TW-XI-45
12	Rượu cảm	Quế, gừng	Lọ	50; 100ml	Trị cảm lạnh, kích thích tiêu hóa, tuần hoàn hô hấp	TW-XI-48
13	Cồn long não	Nacampho sulphunat	Lọ	20; 50; 100ml	Xoa các vùng sưng, đau, bong gân	TW-XI-50
14	Phuxin	Tylosin	Lọ	20, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, Mycoplasma	TW-XI-60
15	Colinorxin	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm thận, bàng quang, niệu đạo do lậu cầu khuẩn, bệnh khớp do M. bovis	TW-XI-69
16	Norfloxacin 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng đường sinh dục	TW-XI-71
17	Phugenta	Gentamicin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, phế quản, phổi trên bê, nghé, tiết niệu trên chó, mèo	TW-XI-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Spectinomycin 10%	Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin trên bò, ngựa, dê, cừu, lợn	TW-XI-86
19	Tiamulin 20%	Tiamulin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm khớp trên lợn	TW-XI-87
20	Enro 50	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, nhiễm trùng tiết niệu trên chó	TW-XI-88
21	Tylosin 200	Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên bò, dê, cừu, lợn	TW-XI-89
22	Vetva Analgin C	Analgin Vitamin C	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt, điều trị các bệnh khớp, co thắt ruột, chướng bụng trên gia súc, gia cầm	TW-XI-92
23	Vetva Tylogen	Tylosin tartrate Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, sinh dục (hội chứng MMA)	TW-XI-94
24	Vetva-Flor oral	Florphenicol	Chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gia cầm	TW-XI-96
25	Vetva Lincospec 150	Spectinimycin, Lincomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, chó, mèo, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW-XI-97

14. Công ty cổ phần Sóng Hồng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin B_1	Vitamin B_1 (2,5 %)	Ống	5; 50; 100 ml	Thuốc bổ tăng lực	SH-14
2	Vitamin C	Vitamin C (5%)	Ống	5; 50; 100 ml	Thuốc tăng lực	SH-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Cafein Na. benzoat	Cafein natri benzoat 20%	Ống	5; 50; 100 ml	Thuốc trợ tim	SH-16
4	Atropin Sulfat	Atropin sulfat (0,1%)	Ống	2,5 ml	Thuốc chống co thắt	SH-40
5	Strychnin Sulfat	Strychnin sulfat (0,1%)	Ống	2,5; 5 ml	Thuốc tăng trương lực cơ	SH-41
6	Glucose	Glucose (30%)	Ống, lọ	5; 10; 100 ml	Chống mất nước điện giải	SH-42
7	Urotropin	Urotropin	Ống	2,5 ml	Chống nôn	SH-44
8	SH-Tylogenta	Gentamycin, Tylosin, Dexamethazol	Lọ	10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột	SH-61
9	SH-tiakanalin	Kanamycin, Tiamunin	Lọ	10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp	SH-62
10	SH-Kana-Colin	Kanamycin, Colistin, Dexa	Lọ	10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột	SH-63
11	Gentamycin	Gentamycin	Lọ	10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp	SH-65
12	Kanamycin	Kanamycin	Lọ	5; 10; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp	SH-66
13	Septotryl-24	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, lợn, chó, mèo, gia cầm	SH-75
14	Levasol	Levamisol	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, cừu	SH-76
15	Spectyl- LC	Spectinomycin	Lọ	10; 20; 50; 100ml; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn Gr(-) gây bệnh đường ruột trên lợn con, dê con, cừu con	SH-78
16	Imectin	Ivermectin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, dê, cừu	SH-79
17	Enrotryl	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, gia cầm	SH-80

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	ADE Bcomplex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin	SH-81
19	Anagin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp giảm đau, hạ nhiệt, tăng đề kháng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, gà, vịt	SH-82
20	Aminovit- SH	Vitamin B_1, B_6, B_{12}, B_2	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin	SH-83
21	Marbolox- For	Marbofloxacine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò	SH - 86
22	Sohofloxacin	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng đường sinh dục trên bê	SH-39
23	Eracin	Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml; 500ml; 1l	Trị bệnh dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	SH-46
24	Lin- Spec for	Lincomycin, Spectinomycin,	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, gia cầm	SH-57
25	No- 10	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường ruột trên gia cầm	SH-67
26	Coli- SP	Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	SH-68
27	Enro- 10	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột trên bê, gia cầm	SH-69
28	SH- Norcoli	Neomycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà, vịt	SH-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
29	SH- Ecoligen	Gentamycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, tiết niệu, đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	SH-60
30	Flo D.O.Sol	Doxycyclin, Flofenicol	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol và Doxycyclin trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt, chó, mèo	SH-58
31	T-T-S Inj	Tylosin, Thiamphenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, viêm tử cung, viêm vú, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, lợn, cừu, dê	SH-64
32	Oxymycin- LA	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu, lỵ, viêm dạ dày - ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	SH-96
33	Lincomycin	Lincomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin gây ra trên lợn, chó, mèo	SH-99
34	Doxy 100-LA	Doxycyclin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	SH-101
35	Enrocin	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột bê, nghé, lợn, chó	SH-102
36	Tia-100 inj	Tiamulin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị suyễn, hồng lỵ, viêm khớp trên lợn	SH-104
37	Flumeq	Flumequine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, viêm phổi, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	SH-105

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
38	Oxylox	Oxytetracyline	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn trên lợn, gia cầm do vi khuẩn gram âm, gram dương gây ra	SH-110

15. Công ty Cổ phần dược phẩm công nghệ cao

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	OTC	Oxytetracyclin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa ở bê, lợn, trâu, bò, ngựa, dê, cừu	Hitech-1
2	Eryxazol	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ	10, 20, 50, 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim, Sulfamethoxazol ở lợn, bê, chó mèo	Hitech-2
3	Linspec	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp gây ra bởi Mycoplasma và vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin, Spectinomycin cho lợn, trâu, bò cừu, dê, chó	Hitech-4
4	Enrotex	Enrofloxacin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp bệnh đường ruột do E.coli cho bê, gia cầm	Hitech-5
5	T.G.9	Tiamulin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm phổi trên gia súc	Hitech-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Pectyl Fox	Spectinomycin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên lợn con, dê non, cừu non	Hitech-7
7	Flumec- F	Flumequin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, gia cầm	Hitech-8
8	Doxy	Doxycyclin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê	Hitech-9
9	Pectine	Spectinomycine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin trên lợn, dê non, cừu non	Hitech-22
10	Amoxyl-S	Amoxycillin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, sinh dục, các nhiễm khuẩn trên trâu, bò, lợn	Hitech-24
11	Coli- 500	Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, viêm đa khớp trên trâu, bò, ngựa, lợn, cừu, thỏ	Hitech-25
12	Spectocin	Lincomycin, Spectinomycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó	Hitech-26
13	Colifox	Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	Hitech-28

16. Công ty CP Công nghệ sinh học thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BTV-Flumequin10%	Flumequine	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	BTV-45
2	BTV-Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột bê, nghé, heo con, gia cầm	BTV-47
3	BTV- Norfloxacin 5%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, trên trâu, bò, lợn, chó, gia cầm	BTV-49
4	BTV- Tylosin	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra	BTV-51
5	BTV-Spirolis	Spiramycin Colistin	Lọ	20ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Colistin trên gia súc non, thỏ, gia cầm	BTV-52
6	BTV-Enrofloxacin 5%	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị bệnh do E.coli, Haemophylus, Pasteurella, Myco trên lợn, trâu bò	BTV-53
7	BTV-Lincomycin	Lincomycin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, suyễn do Mycoplasma, đóng dấu lợn. Trị nhiễm trùng da, viêm nhiễm đường hô hấp trên chó, mèo	BTV-56
8	BTV-Huncomycin	Colistin sulfat	Lọ	20; 50; 100; 200ml	Trị viêm ruột bại huyết, viêm đa khớp truyền nhiễm trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn	BTV-57
9	BTV-Penicolis	Benzylpenicillin Colistin	Ống	10ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn trên ngựa, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	BTV-58
10	BTV-Spectinomycin	Spectinomycin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp (CRD) trên gia cầm, nhiễm trùng ruột trên lợn	BTV-59

17. Công ty TNHH Thuốc thú y Bình Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	BM- TS	Colistin sulphate salt, Trimethoprim	Lọ	5, 10; 20; 50; 100; 1000ml	Trị phân trắng lợn con, tiêu chảy mất nước, phó thương hàn, viêm ruột do E.coli	BM- 14
2	BM-Kanacolis	Colistin sulphate salt, Kanamycin, mono sulphate salt	Lọ	5, 10; 20; 50; 100; 1000ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Kanamycin cho Trâu, bò, lợn, chó mèo	BM- 15
3	BM-Aleccid	S. quinoxalin, Pyrimethamin	Lọ	5, 10; 20; 50; 100; 1000ml	Trị viêm dạ dày - ruột gây ra bởi cầu khuẩn cho gia cầm, thỏ	BM- 16
4	BM- Tylocylin	Oxytetracyclin, HCL, Tylosin, tartrate	Lọ	5, 10; 20; 50; 100; 1000ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, cho trâu, bò, dê, lợn cừu	BM- 17
5	BM- Enrofloxacin	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	BM-25
6	BM- Doxyvet.C	Doxycyclin HCL, Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, tụ huyết trùng trên trâu, bò, lợn	BM-26
7	BM- Norcoli	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BM-30
8	BM- Levamisol	Levamisol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Tẩy các loại giun tròn	BM-35
9	BM- Promethazin	Promethazin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Kháng histamin, an thần trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-32
10	BM- Amino.B	Vitamin B_{12}, B_1, PP, B_6, Methionin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
11	BM- Tiamulin 10%	Tiamulin HF	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường ruột và đường hô hấp trên lợn	BM-37
12	BM- T.T.S	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	BM-38
13	BM- Ivermec	Ivermectin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	BM-39
14	BM-Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị thiếu Vitamin C, nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-40
15	BM- Analgin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo.	BM-41
16	BM- Thiamphenicol 10%	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l.	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	BM-42
17	BM- Licomicin	Lincomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-44
18	BM- Kanamycin	Kanamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-45
19	BM- Gentatylo	Gentamycin, Tylosin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	BM-46
20	BM- Fosfocin	Fosfomicin, Trimethoprim	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, gia cầm	BM-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
21	BM- Flophenicol	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	BM-50
22	BM- B Complex C	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếuVitamin, phòng stress trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	BM-51
23	BM-ADE B Complex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, PP, K_3, C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị rối loạn tăng trưởng, rối loạn sinh sản, còi cọc, Stress, hỗ trợ trong điều trị các bệnh nhiễm trùng trên gia súc, gia cầm	BM-52
24	BM- Colispec	Spectinomycin, Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin và Colistin gây ra	BM-53
25	BM- Lepto	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate, Bromhexin HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BM-55
26	BM- Fasciolid	Nitroxynil	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị sán lá gan, giun tròn, giun móc trên trâu, bò, dê, cừu, chó, chim	BM-56
27	BM-Enroflox	Enrofloxacin HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gia cầm	BM-57
28	BM- Vitamin B_1	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin B_1 gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	BM-58
29	BM- Tridiazin	Sulfadiazin sodium, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm tiết niệu, viêm ruột, viêm khớp, trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BM-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
30	BM-T.T.D	Thiamphenicol, Tylosin tartrate, Dexamethasone	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng huyết, hội chứng MMA trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	BM-61
31	BM-Ceftiofur suspension	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1lít	Trị bệnh đường hô hấp do Pasteurella, Actinobacillus, Streptococus, E.coli cho trâu, bò, lợn	BM-65
32	BM-Tylosin 5%	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm xoang mũi viêm ruột trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	BM-67
33	BM-Amox L.A	Amoxycilline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	BM-68
34	BM-Analgin	Analgin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-71
35	BM- Glucose C	Glucose, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Cung cấp năng lượng, trợ sức, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-72
36	BM-Enroject	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, heo; nhiễm trùng tiết niệu trên chó	BM-73
37	BM-Enfloral	Enrofloxacine	Chai	100; 250; 500ml; 1lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	BM-74
38	BM-TTC	Norfloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột, hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin gây ra trên bê, nghé, lợn, dê non, cừu non, gia cầm	BM-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
39	BM- Soljject	Lincomycin, Spectinomycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	BM-78

18. Trung tâm Chuyển giao công nghệ, Hội Thú y Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Gói	100g	Bổ sung vitamin	TCCT-1
2	Anti-Coli	Tiamulin, Chlotetracycline	Gói	10g	Chữa ỉa chảy cho gia súc, gia cầm	TCCT-8
3	Ampi de Coli	Ampicillin, Colistin	Gói	10g	Trị bệnh ỉa chảy của lợn, gà, vịt (phân trắng, xanh, nhớt)	TCCT-10
4	TTTC	Chlotetracycline	Gói	10g	Trị tiêu chảy	TCCT-11
5	Trị cầu trùng	Sulgachloropyridazin, Colistin	Gói	10, 20, 50, 100g	Trị cầu trùng	TCCT-12
6	XOMIX-HT	Sulfamid	Gói	20; 50; 100; 200g	Trị bệnh do vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) gây ra ở gia súc, gia cầm	TCCT-19
7	Hen gà - Suyễn lợn - Trị ỉa chảy	Tetracyclin HCl, Tylosin tartrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, thỏ, gia cầm	TCCT-20

HƯNG YÊN

19. Công ty TNHH Nam Dũng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	TD Levaject	Levamisol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy giun	ND-58
2	TD.Leva Pour-on	Levamisole	Chai, can	20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị giun trên trâu, bò	ND-202
3	Flotason	Norfloxacin, Dexa	Ống, lọ	5; 10; 20; 100ml	Chống nhiễm khuẩn chung	ND-08
4	TD.Pentacin	Penicilline, Streptomycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn phổ rộng	ND-11
5	TD.Ampisol	Ampicilline, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn phổ rộng	ND-12
6	Colistop	Colistin Sulfate	Lọ	10; 50; 100ml	Trị E.coli đường tiêu hóa gà, vịt	ND-16
7	TD.Coli-Amoxy	Amoxycilline, Colistin sulfate, Dexa	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các nhiễm khuẩn gây ra bởi các chủng vi khuẩn nhạy cảm	ND-24
8	TD. Tetra 200	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 100ml	Chống nhiễm khuẩn phối hợp	ND-25
9	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 20; 100ml	Tăng sức đề kháng	ND-27
10	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 20; 100ml	Chữa các triệu chứng thiếu hụt Vitamin B_1	ND-28
11	B.complex inj	Vitamin nhóm B	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Cung cấp Vitamin nhóm B	ND-34
12	Tylosin inj	Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50; ml	Trị bệnh đường ruột, hô hấp	ND-39
13	Thuốc bại liệt Calcifort 20% inj	Calcium gluconate, Vitamin nhóm B	Ống; lọ	2; 5; 10; 20; 100ml	Cung cấp canxi trị bại liệt	ND-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Myco A	Tylosin tartrate, Ampicilline	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp và tiêu hóa ở vật nuôi	ND-41
15	Analgin inj	Analgin	Ống	2; 5; 100ml	Hạ nhiệt, giảm sốt, chống nôn	ND-43
16	Lincomycin inj	Lincomycine	Ống, lọ	5; 10; 20ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-50
17	Vitamin B_{12} inj	Cyanocobalamine	Ống	2; 5ml	Điều trị các triệu chứng thiếu Vitamin B_{12}	ND-51
18	Norflox	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-52
19	Gentocine	Gentamycine, Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-54
20	Colimutin	Colistin, Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	ND-60
21	Kanamycin 10%	Kanamycine	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng sinh	ND-61
22	Erymutin	Erythromycine, Tiamulin	Lọ, ống	10; 20; 50; 100ml	Trị các nhiễm khuẩn đường hô hấp và kế phát	ND-70
23	Doxy.Tialin	Tiamulin, Doxycyclin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Kháng sinh phổ rộng	ND-81
24	TD.Cefa	Cefalexine; Lidocaine	Lọ	10; 20; 50; 100; 200ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	ND-82
25	TD.Glucose -C	Glucose; Vit C	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200ml	Cung cấp năng lượng và tăng sức đề kháng	ND-87
26	Penstep-Dexa	Penicillin, Streptomycine, Dexa	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Hỗn hợp kháng sinh phổ rộng	ND-90
27	Kana.Tylo Plus Dextran B_{12}	Kanamycine,Tylosin Dextran Fe, Vit B_{12}	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng thiếu máu lợn con	ND-91

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
28	TD.Estencin	Erythromycine, Doxycycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	ND-95
29	ND.Flox	Enrofloxacine, Bromhexine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị chướng diều, khô chân gia cầm	ND-96
30	Chloracine	Neomycine sulfate	Lọ	50; 100; 400; 500ml	Trị nhiễm khuẩn ngoài da, bầu vú, móng chân lợn, gia súc	ND-105
31	TD.Doxy 10	Doxycyline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Chống nhiễm khuẩn	ND-106
32	TD.Fer-Dextran	Fe. Dextran 10%	Ống	2; 5; 20; 100ml	Phòng thiếu máu lợn con	ND-107
33	Esta	Trimethoprime, Neomycine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa thể nặng và vừa trên gia súc	ND-108
34	TD.Polivit	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP	Lọ	20; 100ml	Cung cấp các loại Vitamin	ND-117
35	ND.Leptocine	Doxycyclin, Dexa SP Streptomycine S.	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị xoắn khuẩn leptospira	ND-134
36	TD. Policine	Erythromycin, Colistin, Bromhexine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị suyễn lợn, bệnh đường hô hấp	ND-140
37	ND Divalent	Vitamin C, Dipyrone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Giải độc, hạ sốt chống viêm	ND-142
38	ND Pyrine	Caphein, Sulpyrin, Antipyrin, Chlopheniramine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trợ tim, hạ sốt, chống viêm	ND-143
39	ND.Quino50S	Norfloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, khớp do M. bovis	ND-156

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
40	TD.Prim48	Trimethoprime, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi, hội chứng MMA, viêm ruột, nhiễm trùng máu, viêm đường niệu	ND-159
41	TD.Enroflox-T	Enrofloxacine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, các bệnh ở khớp, nhiễm trùng tiết niệu.	ND-160
42	TD.Amoxy150S	Amoxycilline	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline cho gia súc, lợn, cừu, chó và mèo	ND-161
43	TD.Amcoli	Ampicilline, Colistin sulphate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường ruột, viêm phổi, nhiễm trùng đường tiết niệu, viêm vú,THT cho gia súc	ND- 164
44	Flor- fort	Norfloxacin	Ống, lọ	5; 10ml 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp trên trâu, bò, heo. Nhiễm trùng đường tiết niệu trên chó	ND-165
45	TD.Oxy	Oxytetracyclin, Lindocain, Bromhexin	Ống, lọ	5; 10ml 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, TH, PTH, ĐD, THT trên trâu, bò, lợn, gà, chó, mèo	ND-166
46	TD.Enro10	Enrofloxacin	Chai Lọ	50; 100; 250; 500ml 10; 20ml	Trị CRD, thương hàn, do E.coli cho gia cầm. Trị THT, tiêu chảy, phân trắng bê, nghé	ND-145
47	TD. Flox 30%	Florfenicol	Ống Chai/lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra cho trâu, bò, heo, dê, cừu	ND- 09
48	TD. Enro Oral	Enrofloxacin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu và tiêu hóa do E.coli, Pr. mirabilis cho chó	ND-55

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
49	TD. Sone	Florfenicol Oxy tetracyclin Hcl	Ống Chai/lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, viêm ruột, viêm teo mũi truyền nhiễm, kiết lỵ cho gia súc. Trị CRD, THT, thương hàn, phân trắng, phân xanh cho gà	ND-136
50	Doenrotylo	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin cho gia súc, gia cầm	ND-89
51	TD. Colispira	Spiramycin Colistin	Lọ	10; 20; 50ml	Trị THT, phân trắng, CRD, viêm mắt do Chramydia cho gia cầm, bệnh THT, viêm phổi, tử cung, viêm ruột cho gia súc	ND-78
52	TD.Diflox	Difloxacin	Ống Chai	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Difloxacin gây ra cho gia súc	ND-99
53	TD.Tia 200	Tiamulin	Ống, lọ Chai	2; 5ml,10; 20ml 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp; CRD, viêm phổi - màng phổi, viêm ruột xuất huyết và viêm đa khớp	ND-79
54	TD.Tylosine 200	Tylosin tatrate	Ống Chai/lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosine gây ra cho trâu, bò, heo, dê, cừu	ND-137
55	TD. Enro 25	Enrofloxacin(Hcl)	Ống Lọ	2; 5ml 10; 20ml	Trị nhiễm trùng đường tiết niệu và đường tiêu hóa do E.coli, P.mirabilis	ND-56
56	TD.Colimutin	Tiamulin Colistin	Lọ	10; 20; 50ml	Trị CRD, do E.coli, viêm xoang cho gia cầm Trị lỵ, phân trắng; viêm phổi, khớp ở gia súc	ND-141

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
57	TD Marbo	Marbofloxacine	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ND-04
58	TD.Dano 180	Danofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò.	ND-75
59	TD. Colimycine	Colistin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh tiêu hóa trên trâu, bò, heo, dê, cừu	ND-88
60	TD.Sulfamax	Sulfadimethoxin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sốt do vận chuyển, viêm phổi, viêm móng trên trâu, bò	ND-138
61	TD.Genta	Gentamycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò	ND-139
62	TD. Spira 20%	Spiramycine adipate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, gia cầm	ND-147
63	TD.Butosal	[1- (butylamino)-1- methylethyl]-phosphoric acid, Vit B_{12}	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa do rối loạn trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, gia cầm	ND-168
64	TD. Vital	Vitamin B_1, B_6, PP	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu vitamin, chống stress và suy nhược cơ thể	ND-169
65	TD.ADE	Vitamin A, D_3, E	Lọ	2; 5; 10; 20; 100ml	Trị suy dinh dưỡng, tăng sức đề kháng, kích thích tăng trưởng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn	ND-170
66	TD. Oxacin XL	Oxytetracycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu dục trên trâu, bò, lợn	ND-22
67	TD.Genta(Plus)	Gentamycin sulfate, Procain penicillin G	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	ND-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
68	TD.Ceftisol	Ceftiofur	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur gây ra trên trâu, bò, lợn	ND-29
69	TD. Speclinco	Spectinomycine, Lincomycine	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycine và Lincomycine gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	ND-69
70	TD.Flox 5	Florfenicol	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ND-173
71	TD.Flox 2	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ND-174
72	TD.Diflox 10	Difloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, lợn, dê, chó	ND-175
73	TD Flumequin Oral	Flumequin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin gây ra trên gia cầm	ND-177
74	TD. Dano 25	Danofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ND-178
75	TD.Marbo 10	Marbofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Marbofloxacin gây ra trên trâu, bò, lợn	ND-179
76	TD.Butovit	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, PP, D_3, E, Methionin, Lysin, Cholin, Folic acid	Lọ	5; 10; 50; 100; 250; 500ml	Chống Stress và suy nhược cơ thể, cân đối các loại Vitamin, axít amin trên cừu, ngựa, lợn, gia cầm, thỏ	ND-180

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
77	TD.Analgin- C	Analgin, Vitamin C	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, chống viêm, tăng sức đề kháng	ND-181
78	TD. Vitamin C 20%	Vitamin C	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Bồi bổ cơ thể, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	ND-182
79	TD. Calcium-C	Calcium gluconate, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bại liệt, co giật do hạ caxi huyết, mềm xương, loãng xương, còi xương. Tăng cường giải độc, trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó	ND-183
80	TD. Calcium-B	Calcium gluconate, Phosphorylchola-mine, Vitamin B_{12}	Lọ	50; 100; 250; 500ml	Trị bại liệt, xuất huyết nội, dị ứng, nổi mề đay, viêm da, rối loạn trao đổi chất, suy nhược cơ thể trên trâu, bò, ngựa, lợn	ND-184
81	TD.Dexa	Dexamethasone	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các trường hợp Shock, hội chứng viêm, dị ứng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó	ND-185
82	TD.Calcium-Caf	Calcium gluconate, Cafein	Lọ	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị hạ canxi huyết, suy nhược thần kinh, trợ tim, trợ hô hấp	ND-186
83	TD. Vitasol	Vitamin B_1, B_2, B6, PP, KCL, NaCL, $MgCL_2$, Calcium	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị rối loạn trao đổi Carbohydrate, chứng mất nước, suy nhược cơ thể, tăng cường sức đề kháng	ND-187
84	TD.Septotryl 30%	Sulfadiazin sodium, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đương hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm nhiễm sau khi sinh, viêm bàng quang viêm rốn trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	ND-188

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
85	TD. Ivermec	Ivermectine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị KST nhạy cảm với Ivermectine trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	ND-189
86	TD.Gali 200	Erythromycine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi - phế quản, THT, đóng dấu, viêm ruột, ỉa chảy phân trắng, thương hàn, MMA, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, cừu	ND-193
87	TD.Atropin	Atropin sulfate	Ống. Lọ	2; 10; 20; 50; 100ml	Giảm trương lực cơ trơn, giải độc, giảm tiết dịch	ND-194
88	TD.Butomec	Ivermectine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Phòng và trị giun tròn dạ dày ruột, giun phổi, ghẻ, rận trên trâu, bò	ND-196
89	TD.Nitrox	Nitroxynil	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Tẩy sán lá gan, giun tròn dạ dày - ruột, giun móc	ND-197
90	TD.Butidyl	Vitamin B_{12}, Sodium selenite, ATPs, Mg	Chai	10; 20; 50; 100ml	Suy nhược thời kỳ lại sức sau khi đẻ, sau khi khỏi bệnh, khởi đầu kém ở thú, stress do di chuyển	ND-198
91	TD. Calphovit	Calcium, Phosphorus, vitamin D_3, B_{12}	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng sốt sữa sau khi sinh do thiếu canxi, phôt pho trên bò sữa, dê, cừu	ND-201
92	TD. Amo-gen	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline và Gentamycin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa	ND-204
93	TD. Norpyrin	Noramidopyrine, methasulfonate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Giảm đau và phục hồi chức năng trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó	ND-205
94	TD.Ceftifur	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò	ND-206

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
95	TD. Ampi 30%	Ampicilline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột, niệu - sinh dục, viêm khớp trên trâu, bò, lợn, cừu	ND-207
96	TD. Duopen G	Procaine penicilline G, Benzathine penicilline G	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, cừu, chó, mèo	ND-208
97	TD. Nitrox 34	Nitroxynil	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sán lá gan trên trâu, bò, cừu	ND-209
98	TD.Selen	Vitamin E, Selenium	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị chứng thiếu hụt Vitamin E và Selenium gây ra trên bò, ngựa, lợn, cừu	ND-210
99	TD. Nitro- Plus	Nitroxynil, Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sán lá gan, nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu	ND-211
100	TD. Ceftifur 10%	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	ND-212
101	TD.Anticox 25	Toltrazuril	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng trên gia cầm	ND-213
102	TD.Anticox 50	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, heo con	ND-214
103	TD. Ivermec Super	Ivermectin, Clorsulon	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trị nội ngoài ký sinh trùng trên trâu, bò	ND-215
104	TD. Tolfenac	Tolfenamic acid	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, heo, chó, mèo	ND-216
105	TD. Ampi 5%	Ampicilline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, niệu - sinh dục, trên dê, cừu, lợn, chó, mèo	ND-217
106	TD. Amoxy-Plus	Amoxycilin, Potassium clavulanate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	ND-218

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
107	TD. Amoxy 50S	Amoxycilin, Potassium clavulanate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	ND-220
108	TD.Triam	Triamcinolone acetonide	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị trúng độc aceton hay xeton huyết khi mang thai, viêm khớp cấp tính, dị ứng, viêm da, nổi mề đay, giảm stress trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó	ND-224

TỈNH THÁI BÌNH

20. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư thuốc thú y Đông Nam Á

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Levazol	Levamisol	Gói	2; 5; 10g	Trị các bệnh giun sán như giun đũa, giun tóc, giun móc, giun kim	ĐNA-01
2	Alcomicin	Ampicillin, Sulfadimidin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy sưng phù đầu, viêm phổi, viêm xoang, THT, khẹc vịt,...	ĐNA-02
3	Colimicin-ĐNA	Trimethoprim, Tylosin tartrat	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, viêm phế quản, CRD, hen suyễn, tụ huyết trùng	ĐNA-03
4	Tetracyn-ĐNA	Tetracyclin, Sulfadimidin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị ỉa chảy, phân xanh, phân trắng, E.coli, tụ huyết trùng	ĐNA-04
5	Genocos-ĐNA	Gentamicin, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, viêm phế quản, CRD, bệnh viêm ruột ỉa chảy, phân xanh, phân trắng	ĐNA-05

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Ampicoli-ĐNA	Ampicillin, Colistin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia súc, gia cầm	ĐNA-22
7	Oxycoli-ĐNA	Colistin Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường ruột, CRD. Trị các bệnh lây nhiễm do vi khuẩn	ĐNA-23
8	Flumequin-ĐNA	Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin	ĐNA-24
9	Neomycin-ĐNA	Neomycin	Gói	10; 20; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh ở dạ dày, ruột do các vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin trên gia súc, thỏ, gia cầm	ĐNA-25
10	Doxycyclin-ĐNA	Doxycilin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp gây ra di vi khuẩn nhạy cảm với Doxycilin	ĐNA-26
11	Tylodoxy-ĐNA	Tylosin Doxycilin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp cho bò cái, gia cầm, lợn	ĐNA-27
12	S1000-ĐNA	Sulfadimidin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa như ỉa chảy, viêm dạ dày ruột	ĐNA-06
13	R1000	Trimethoprim, Sulfadimidin sodium	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, viêm đường hô hấp, sưng phù đầu	ĐNA-7
14	C200-ĐNA	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh phân xanh, phân trắng; CRD	ĐNA-08
15	F500-ĐNA	Flumequin (apurone)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh phân xanh, phân trắng; CRD, thương hàn, tụ huyết trùng	ĐNA-09
16	M500-ĐNA	Neomycin sulface	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm dạ dày, ruột ỉa chảy, phân xanh, phân trắng	ĐNA-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
17	N500-ĐNA	Norfloxacin HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sưng phù đầu, THT, CRD, viêm ruột	ĐNA-11
18	E500-ĐNA	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh CRD, viêm đường hô hấp, viêm dạ dày, ruột, ỉa chảy, phân xanh, phân trắng	ĐNA-13
19	Analgin-ĐNA	Analgin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	ĐNA-14
20	Lincospectin-ĐNA	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp tiết niệu sinh dục trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	ĐNA-15
21	KCL-ĐNA	Kanamycin sulface, Colistin sulface	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó, mèo	ĐNA-16
22	ER-ĐNA	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó	ĐNA-17
23	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu vitamin B_1	ĐNA-18
24	F500-ĐNA	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, gia cầm	ĐNA-19
25	C200-ĐNA	Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh ở dạ dày, ruột trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	ĐNA-20
26	N500-ĐNA	Norfloxacin HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó	ĐNA-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
27	Levamysol 7,5%	Levamysol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh giun sán như giun đũa, giun thận, giun phổi, giun lươn, giun mắt	ĐNA-28

21. Công ty TNHH Trường Hằng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin B Complex	Vit B_1, B_2, B_6, PP	Túi	100; 1000g	Thuốc bổ dưỡng	TH-01
2	TH-Sul-Coli	Colistin; Oxytetracyclin	Túi	5; 10; 20; 50g	Trị viêm phế quản	TH-02
3	TH-Leppin	Tylosin;	Túi	5; 10; 20; 50g	Trị CRD	TH-04
4	TM.Meber	Mebendazon	Túi	2; 5g	Tảy giun sán	TH-07
5	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Viên	0,01g	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin B_1	TH-11
6	TR' Han-Enro 10 (Uống)	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng đường sinh dục trên gia cầm	TH-15
7	Polymycin	Colistin sulphate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin cho bê, nghé, lợn, cừu	TH-08
8	TH- Enro	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp cho trâu, bò, lợn	TH-09
9	Norflox	Norfloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp cho trâu, bò, lợn	TH-10
10	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin B_1	TH-13
11	TR' Han-Enro 10 (Tiêm)	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, khớp trên trâu bò; lợn; nhiễm trùng tiết niệu trên chó	TH-14

TỈNH KHÁNH HÒA

22. Phân viện thú y Miền Trung - Viện Thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống	5ml	Bổ sung vitamin	TW IV -11
2	Strychnin B_1	Strychnin, Vitamin B_1	Ống	2ml	Trị tê liệt thần kinh, suy nhược	TW IV -12
3	Strychnin sulfat 0,1%	Strychnin sulfat	Ống	2ml	Trị tê liệt thần kinh, suy nhược	TW IV -13
4	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống	5ml	Bổ sung vitamin	TW IV -14
5	Cafein Natri Benzoat 7%	Cafein Natri benzoat	Ống	5ml	Trị cơ thể suy nhược, suy tim, ngộ độc, kích thích hưng phấn	TW IV -15
6	Atropin Sulfat 0,1%	Atropin sulfat	Ống	2ml	Trị co thắt ruột, khí phế quản, tiêu chảy nặng, giảm đau, tiền mê	TW IV -16
7	Gluconat canxi 5%	Gluconat canxi	Ống	5ml	Bổ sung calci	TW IV -17
8	Gluco C	Đường glucoza, Vitamin C	Ống	10ml	Trợ sức, bổ sung đường Glucose	TW IV -18
9	Urotropin 10%	Urotropin	Ống	5ml	Sát trùng đường tiết niệu, lợi tiểu	TW IV -19

(Xem tiếp Công báo số 117 + 118)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng